

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **373/2022/HSPT**
Ngày: 21/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông
Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương
Ông Nguyễn Xuân Quang
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*
Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm đối với vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 279/2022/HSPT ngày 01/8/2022 đối với bị cáo Phạm Thị T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 262/2022/HSST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1. Phạm Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thị Kim C), sinh năm 1983 tại Thanh H; HKTT: Xóm 2, xã T, huyện X, tỉnh H; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Phạm Trương K và bà Nguyễn Thị L. Bị cáo chưa có chồng con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo ra đầu thú vào ngày 08/6/2021 và bị tạm giữ đến ngày 17/6/2021 thì được hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Văn N (tên gọi khác: Không), sinh năm 1978; tại Nghệ A; Nơi cư trú: Tổ 16, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T sinh năm 1978 có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giữ trong trường hợp

khẩn cấp vào ngày 28/5/2021 và được hủy bỏ quyết định tạm giữ vào ngày 06/6/2021. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Ông Trịnh Công M – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư TP.Hồ Chí Minh (có mặt);

2. Bà Dương Thị Diệu T – Luật sư thuộc Công ty L thuộc Đoàn Luật sư TP.Hồ Chí Minh (có mặt);

- *Bị hại:* Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 17, tòa nhà S, 67, đường L, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ V.

Địa chỉ: Số 10, đường số 1, P.9, Quận G, TP. Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp S, xã Vĩnh T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị T là nhân viên bảo vệ nhận nhiệm vụ bảo vệ kho hàng của Công ty trách nhiệm hữu hạn S tại địa chỉ 753/1, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Để có tiền sử dụng cá nhân T đã bàn bạc với Nguyễn Văn N, trộm cắp hàng trong kho của Công ty S, rồi mang đi giao cho khách lấy tiền, N đồng ý. Thực hiện ý định trên từ khoảng 19 giờ đến 20 giờ hằng ngày từ ngày 22/5/2021 đến ngày 26/5/2021 T lấy trộm hàng trong kho bỏ vào bao tải rồi liên lạc với N, để N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 60C2-437.24 đến lấy mang đi. Sau khi trộm được hàng, N mang về nhà của N tại tổ 16, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cất giấu rồi sau đó liên hệ với khách hàng đã đặt mua theo thông tin có sẵn trên từng gói hàng mang đi giao cho khách và lấy tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/5/2021 đến ngày 26/5/2021 N và T đã lấy trộm được tổng cộng 271 gói hàng.

Sau khi phát hiện mất các gói hàng trong kho, anh Nguyễn Văn L là quản lý kho đã liên hệ với một số khách hàng đặt những gói hàng đã bị mất, khách hàng cho biết đã nhận được hàng và thanh toán tiền cho người giao hàng, nghi ngờ có người trộm hàng trong kho, thông qua thông tin khách hàng đã nhận hàng cung

cấp anh L phát hiện người đã giao hàng cho khách và thu tiền là Nguyễn Văn N. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 27/5/2021 anh L phát hiện N đang đứng chờ giao hàng cho khách ở trước Giáo xứ H thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, anh L đã giữ N lại rồi đưa N đến Công an phường T làm việc, Công an phường T đã phối hợp Công an phường L, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra xử lý theo thẩm quyền. Ngày 08/6/2021 Phạm Thị T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 159 (một trăm năm mươi chín) gói hàng của Công ty S bị N và T trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho đại diện Công ty S.

- 112 (một trăm mười hai) gói hàng của Công ty S bị N và T trộm cắp, sau khi trộm N đã đem giao cho khách hàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được;

- Số tiền 17.450.000đ là số tiền còn lại, sau khi trộm cắp được các gói hàng N mang đi giao cho khách và thu tiền.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 60C2-437.24 là tài sản của Nguyễn Văn N, N và T sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu đồng Nhường sử dụng để liên lạc với T cùng T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và liên lạc với các khách hàng đã đặt mua hàng để giao.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, T sử dụng để liên lạc với N cùng N thực hiện hành vi phạm tội, đã hũ hỏng, T đã vứt bỏ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 397 ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự đã kết luận 271 kiện đơn hàng, trị giá 53.781.775đ.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và các bị cáo đã bồi thường nên không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra T cho biết trong quá trình T trộm cắp bị một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch phát hiện, do sợ người này đi trình báo nên T đã đưa cho người đàn ông này 5.000.000đ. Đối với người đàn ông này Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh xử lý sau.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ một giấy chứng minh nhân dân; một sổ hộ khẩu phổ thông; một đơn xin việc làm; một sơ yếu lý lịch; một

giấy khám sức khỏe mang tên Nguyễn Thị T; 01 bản phô tô đăng ký tạm trú có tên Nguyễn Thị Kim C, N và T cho biết các giấy tờ trên đều được dán hình của Phạm Thị T do Tuyết bị mất giấy chứng minh nhân dân nên đã sử dụng tên và giấy chứng minh nhân dân của người khác để xin việc làm và đăng ký tạm trú, đối với các hành vi này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 262/2022/HSST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân TP.B đã tuyên xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T (Nguyễn Thị Kim C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T (Nguyễn Thị Kim C) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam thi hành án **nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 08/6/2021 đến ngày 17/6/2021.**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính **từ ngày bị cáo vào trại giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 28/5/2021 đến ngày 06/6/2021.**

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết về biện pháp tư pháp, tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 22/6/2022, bị cáo Phạm Thị T có Đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với các lý do: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; sau khi phạm tội ra đầu thú; tại thời điểm phạm tội 5/2021 do ảnh hưởng dịch Covid-19 không kinh doanh được phải đóng tiền thuê mặt bằng nên thuê giang hồ tiền vay nóng phải trả nên phạm tội nên đề nghị được áp dụng tình tiết “phạm tội trong hoàn cảnh túng quẫn”; hoàn cảnh gia đình có mẹ già 68 tuổi mang nhiều bệnh mãn tính, huyết áp cao và đang sống với bị cáo; bị cáo có Bà Nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bác ruột là liệt sỹ (chưa cung cấp được các tài liệu liên quan).

- Ngày 22/6/2022, bị cáo Nguyễn Văn N có Đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với các lý do: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; không đồng ý việc cấp sơ thẩm đánh giá là có nhân thân xấu vì không có căn cứ theo quy định pháp luật và gây bất lợi cho bị cáo trong việc xem xét, quyết định hình phạt. Ngoài ra, bị cáo còn

có các tình tiết chưa được cấp sơ thẩm đánh giá là: có cha ruột là ông Nguyễn Văn C là thương binh loại A, hạng 4/4, có nhiều cống hiến cho cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương (huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba, huân chương kháng chiến hạng ba; hoàn cảnh gia đình cha mẹ già và vợ con cần phải có sự chăm sóc của bị cáo;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị không chấp nhận Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Thị T và người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: đề nghị chấp nhận Đơn kháng cáo của bị cáo theo hướng giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Phạm Văn N và người bào chữa cho bị cáo: đề nghị chấp nhận Đơn kháng cáo của bị cáo theo hướng giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng : Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn N làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung Đơn kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thị T và Nguyễn Văn N thừa nhận trong khoảng thời gian từ ngày 22/5/2021 đến ngày 26/5/2021, đã có hành vi trộm cắp 271 gói hàng trị giá 53.781.775đ tại kho hàng của Công ty TNHH S thì bị phát hiện nên án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã đánh giá:

- Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và cũng để răn đe và phòng ngừa chung;

- Trong vụ án này, Phạm Thị T là người chủ mưu, bàn bạc, rủ rê N thực hiện

hành vi trộm cắp và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp; còn N là người giữ vai trò giúp sức tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù T là người khởi xướng, bàn bạc rủ rê N nhưng bản thân N là người có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử, xem xét đánh giá mức hình phạt của 02 bị cáo trong vụ án này là như nhau;

- Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo N: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không;

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm quyết định hình phạt tù đối với các bị cáo là phù hợp.

[2.3] Xét nội dung Đơn kháng cáo của các bị cáo:

- Đối với nội dung Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T:

Cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo Phạm Thị T “là người chủ mưu, bàn bạc, rủ rê bị cáo Nguyễn Văn N thực hiện hành vi trộm cắp và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp” là có cơ sở và xem xét các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để quyết định mức hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp.

Trong khoảng thời gian từ 22/5/2021 đến ngày 26/5/2021, bị cáo liên tục có hành vi “Trộm cắp tài sản” với vai trò là chủ mưu, bàn bạc, rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm xem xét thì bị cáo không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ như Đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận Đơn kháng cáo của bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T.

2. Đối với nội dung Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N:

Cấp sơ thẩm đánh giá “là người giữ vai trò giúp sức tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội” là có cơ sở nhưng khi quyết định hình phạt lại đánh giá “bản

thân bị cáo Nguyễn Văn N là người có “nhân thân xấu” nên xem xét đánh giá mức hình phạt ngang bằng với bị cáo Phạm Thị T” là chưa phân hóa trách nhiệm hình sự trong vụ án có đồng phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới chưa được cấp sơ thẩm đánh giá như: có cha ruột là ông Nguyễn Văn C là thương binh loại A, hạng 4/4, có nhiều cống hiến cho cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương (huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba, huân chương kháng chiến hạng ba; hoàn cảnh gia đình cha mẹ già và vợ con cần phải có sự chăm sóc của bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét duyệt điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N theo hướng giảm nhẹ một phần hình cho bị cáo;

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do Đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Đối với bị cáo Nguyễn Văn N do Đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Đối với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo đã được Hội đồng xét xử thể hiện quan điểm như trên đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T, chấp nhận một phần Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn N.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị T** (Nguyễn Thị Kim C) **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam thi hành án **nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 08/6/2021 đến ngày 17/6/2021.**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N 2 (hai) năm tù** về tội “Trộm cắp tài sản”.
Thời hạn tù tính **từ ngày bị cáo vào trại giam thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 28/5/2021 đến ngày 06/6/2021.**

Bị cáo Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm;

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP.B;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.B;
- Công an TP.B;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Nhà tạm giữ (4);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Đông